

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN: TOÁN 12
NĂM HỌC: 2023 – 2024
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian			
1	Chương I. ỨNG DỤNG ĐẠO HÀM ĐỂ KHẢO SÁT VÀ VẼ ĐỒ THỊ HÀM SỐ	I.1. SỰ ĐỒNG BIẾN, NGHỊCH BIẾN CỦA HÀM SỐ	Nhận biết: Các câu hỏi lý thuyết về tính đơn điệu của hàm số. Thông hiểu: - Biết ĐỒ THỊ y, tìm các khoảng đơn điệu của hàm số. - Cho hàm số y, tìm các khoảng đơn điệu (hàm số đơn giản:nhất biến, đa thức bậc 3, bậc 4) - Cho bảng biến thiên, bảng xét dấu tìm các khoảng đơn điệu của hàm số. - Dựa vào tính đơn điệu của hàm số so sánh 2 giá trị hàm số cụ thể.	1	0.75	1	2.00					2	2.75	4
2		I.2. CỰC TRỊ CỦA HÀM SỐ	Nhận biết: - Các câu hỏi lý thuyết về cực trị của hàm số Thông hiểu: - Biết sử dụng BBT, đồ thị để tìm cực trị của hàm số. - Biết hàm số tìm cực trị một số hàm cơ bản. - Biết đạo hàm tìm cực trị.	1	0.75	1	2.00					2	2.75	4

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian			
3		I.3. GIÁ TRỊ LỚN NHẤT – GIÁ TRỊ NHỎ NHẤT CỦA HÀM SỐ	Nhận biết: - Các câu hỏi lý thuyết về GTLN,GTNN của hàm số - Cho đồ thị, bảng biến thiên hỏi GTLN,GTNN. Thông hiểu: - Biết cách tìm GTLN,GTNN của hàm số liên tục trên một đoạn của các hàm đơn giản . - Biết cách tìm GTLN,GTNN của hàm số liên tục trên một khoảng , nửa khoảng : cần lập BBT	1	0.75	1	2.00					2	2.75	4
4		I.4. ĐƯỜNG TIỆM CẬN	Nhận biết: - Các câu hỏi lý thuyết về Tiệm cận của hàm số - Tìm tiệm cận đứng (TCĐ) và tiệm cận ngang (TCN) của hàm nhất biến. - Cho BBT, đồ thị tìm tiệm cận (dạng hàm nhất biến) Thông hiểu: - Cho BBT, hàm số tìm tiệm cận của các hàm đơn giản. - Cho đồ thị, tìm tiệm cận. - Đếm số tiệm cận biết BBT và ĐỒ THỊ .	1	0.75	1	2.0					2	2.75	4

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian			
5		I.5. KHẢO SÁT SỰ BIẾN THIÊN VÀ VẼ ĐỒ THỊ CỦA HÀM SỐ	Nhận biết: - Nhận dạng được đồ thị các hàm số bậc 3, trùng phương, phân thức bậc 1/bậc 1 (nhất biến) - Tìm được tập xác định của hàm số bậc 3, trùng phương, nhất biến - Tính được đạo hàm của các hàm số bậc 3, trùng phương, nhất biến - Tìm được TCD, TCN của hàm số nhất biến Thông hiểu: - Lập được bảng biến thiên của các hàm số bậc ba, trùng phương, nhất biến - Xác định được các khoảng đơn điệu của hàm số bậc ba, trùng phương, nhất biến - Đọc được đồ thị bậc ba, trùng phương, nhất biến.	1	0.75	1	2.0					2	2.75	4
6		I.6. SỰ TƯƠNG GIAO CỦA CÁC ĐỒ THỊ	Nhận biết: - Biết tìm tọa độ giao điểm của đồ thị hai hàm số đơn giản (không chứa tham số). - Tìm hệ số góc của tiếp tuyến khi biết hoành độ tiếp điểm Thông hiểu: - Tìm được phương trình tiếp tuyến (PTTT) của đồ thị (C) tại điểm M_0 có hoành độ cho trước. - Xác định được giá trị của tham số m tương ứng với số điểm chung của các đồ thị của hai hàm số cho trước đơn giản (một hàm	1	0.75	1	2.0					2	2.75	4

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian			
			có tham số) bằng phép toán. Xác định đúng số nghiệm của phương trình $f(x) = C$ (C: hằng số) khi biết đồ thị (C): $y = f(x)$											
	Chương II. HÀM SỐ LŨY THỪA, HÀM SỐ MŨ, HÀM SỐ LOGARIT	II.1. LŨY THỪA	Nhận biết: Nhận diện công thức đúng sai, câu hỏi lý thuyết liên quan đến các nội dung sau. - Thực hiện 4 phép toán cộng trừ nhân chia lũy thừa. - Biết các tính chất của lũy thừa. - Biết các tính chất của lũy thừa với số mũ không nguyên. Thông hiểu: - So sánh hai lũy thừa cùng cơ số. - Rút gọn biểu thức lũy thừa. - Hiệu được khi nào chuyển được từ căn thức sang hữu tỉ. - So sánh hai lũy thừa cùng cơ số. Vận dụng: - Rút gọn biểu thức chứa lũy thừa bằng phương pháp sai phân. - So sánh hai lũy thừa khác cơ số. - Tính tiền gửi ngân hàng thu được sau n kỳ hạn (lãi kép).	1	0.75	1	2.00	1	2.50			3	5.25	6
		II.2. LOGARIT	Nhận biết: - Các câu hỏi lý thuyết Tính chất. - Các tính toán rất đơn giản theo định nghĩa. Thông hiểu:	2	1.50	1	2.00	1	2.50	1	4.00	5	10.00	10

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian			
			- Rút gọn, tính toán biểu thức logarit đơn giản bằng cách áp dụng các công thức logit . - Tính được $\log_a b$ với a, b là các số cụ thể nhưng phức tạp. - So sánh logarit đơn giản ($\log_a b$ với số 1, cùng cơ số, cùng số lấy log) Vận dụng: - Biểu diễn lôgarit này theo lôgarit khác. - So sánh logarit - Vận dụng vào bài toán lãi suất ngân hàng tìm được số kỳ hạn gửi tiền, tìm được lãi suất, tìm được số tiền gửi ban đầu. Vận dụng cao Vận dụng tìm được giá trị lớn nhất giá trị nhỏ nhất.											
		II.3. HÀM SỐ LŨY THỪA, HS MŨ, HS LOGARIT	Nhận biết: - Các câu hỏi lý thuyết Tính chất - Nhận biết được hàm số mũ, hàm lũy thừa, hàm số logarit. - Tìm được tập xác định của các hàm số mũ, lũy thừa, logarit. - Biết được tập giá trị hàm số mũ, lũy thừa, logarit. - Tính được đạo hàm hàm số mũ, lũy thừa, logarit cơ bản. Thông hiểu: - Tìm được tập xác định của các hàm số lũy	2	1.50	1	2.00	2	5.00			5	8.50	10

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian			
			thừa với số mũ không nguyên. - Tính được đạo hàm của các hàm số lũy thừa, mũ, logarit. - Tính được đạo hàm của các hàm căn thức. - Nhận biết được đồ thị của các hàm số lũy thừa , mũ, logarit với số mũ cụ thể. - So sánh các lũy thừa với số 1. - Tính được đạo hàm của các hàm hợp có chứa căn thức. - Khảo sát về được đồ thị hàm số lũy thừa, , mũ, logarit. - Tính đơn điệu của hàm số lũy thừa, mũ, logarit. Vận dụng: - Vận dụng vào bài toán tìm m để hàm số có tập xác định là R. - Đọc đồ thị hàm số lôgarit. - Tìm được số tiền thu được sau khi gửi ngân hàng n kỳ. - Tìm được tập xác định của các hàm số lũy thừa với số mũ hỗn hợp. - Tính được đạo hàm của các hàm số hợp lũy thừa. - So sánh các lũy thừa với nhau không cùng cơ số. - So sánh các lũy thừa với nhau không cùng số mũ.											
		II.4. PHƯƠNG	Nhận biết:	2	1.50	1	2.00	1	2.50	1	4.00	5	10.00	10

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thờ i gian			
			phương pháp phân tích thành tích. Vận dụng cao: - Giải phương trình mũ bằng phương pháp hàm số, đánh giá. - Giải phương trình logrit bằng phương pháp hàm số, đánh giá.											
		II.5. BẤT PHƯƠNG TRÌNH MŨ, LOGARIT	Nhận biết: - Các câu hỏi lý thuyết Tính chất. - Giải bất phương trình mũ cơ bản $a^x > b, a^x \geq b, a^x < b, a^x \leq b$. - Giải bất phương trình logrit cơ bản dạng $\log_a x > b, \log_a x \geq b, \log_a x < b, \log_a x \leq b$. Thông hiểu: - Giải bất phương trình mũ đưa về cùng cơ số $a^{f(x)} > a^{g(x)}, a^{f(x)} \geq a^{g(x)}$. - Giải bất phương trình mũ bằng phương pháp logarit hóa $a^{f(x)} > b^{g(x)}, a^{f(x)} \leq b^{g(x)}$. - Giải bất phương trình logrit cơ bản dạng $\log_a f(x) > \log_a g(x), \log_a f(x) \geq \log_a g(x)$. - Giải bất phương trình logarit bằng phương pháp mũ hóa $\log_a f(x) > \log_b g(x), \log_a f(x) \geq \log_b$	1	0.75	1	2.00	2	5.00	1	4.00	5	11.75	10

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian			
			$g(x)$. - Giải bất phương trình mũ bằng phương pháp ẩn số phụ đơn giản. - Giải bất phương trình logrit bằng phương pháp ẩn số phụ đơn giản. Vận dụng: - Giải bất phương trình mũ bằng phương pháp ẩn số phụ phức tạp. - Giải bất phương trình mũ bằng phương pháp ẩn số phụ có chứa m. - Giải bất phương trình logrit bằng phương pháp ẩn số phụ phức tạp. - Giải bất phương trình logrit bằng phương pháp ẩn số phụ có chứa m. - Giải bất phương trình mũ, bấtlogarit bằng phương pháp phân tích thành tích. Vận dụng cao: - Giải bất phương trình mũ bằng phương pháp hàm số, đánh giá. Giải bất phương trình logrit bằng phương pháp hàm số, đánh giá.											
7	Chương I. KHỐI ĐA DIỆN	THỂ TÍCH KHỐI ĐA DIỆN	Nhận biết: - Công thức tính thể tích khối đa diện. Thông hiểu: - Thể tích của khối đa diện khi biết đầy đủ các yếu tố.	2	1.50	1	2.00					3	3.50	6
8	Chương II.	MẶT NÓN	Nhận biết:	2	1.50	1	2.00	1	2.50	1	4.00	5	10.00	10

[illegible]

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian			
			- Tỉ lệ thể tích của hai khối nón cùng đỉnh, giữa khối nón và nón cụt. - Bài toán liên quan đến thiết diện đi qua đỉnh không chứa trục của hình nón. - Khối nón tròn xoay ngoại tiếp, nội tiếp khối chóp, khối lăng trụ, khối cầu. Vận dụng cao: - Khối nón tròn xoay ngoại tiếp, nội tiếp khối đa diện. - Tính thể tích khối tròn xoay khi quay mô hình quanh 1 trục (kết hợp hình nón tròn xoay và hình trụ tròn xoay). - Lắp ghép các khối - Bài toán thực tế. Cực trị hình học.											
9		MẶT TRỤ	Nhận biết: - Khái niệm mặt trụ tròn xoay, hình trụ tròn xoay, khối trụ tròn xoay. - Khái niệm trục, đường sinh, góc ở đỉnh của mặt trụ. - Công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình trụ tròn xoay, thể tích khối trụ tròn xoay. Thông hiểu: - Tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần hình trụ tròn xoay, thể tích khối trụ tròn xoay khi biết hai trong các đại lượng: bán kính đáy, chiều cao, độ dài đường sinh. - Tính chiều cao, độ dài đường sinh, bán	1	0.75	2	4.00	1	2.50			4	7.25	8

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian			
			kính đáy của hình trụ tròn xoay khi biết hai trong các đại lượng: bán kính đáy, chiều cao, độ dài đường sinh, diện tích xung quanh, diện tích đáy, thể tích khối trụ. - Tính diện tích thiết diện qua trục của hình trụ được cắt bởi mặt phẳng khi biết hai trong các đại lượng: bán kính đáy, chiều cao, độ dài đường. - Bài toán liên quan đến thiết diện chứa trục của hình trụ. Vận dụng: - Bài toán liên quan đến thiết diện không chứa trục của hình trụ. - Khối trụ tròn xoay ngoại tiếp, nội tiếp khối lăng trụ.											
10		MẶT CẦU	Nhận biết: - Khái niệm mặt cầu, dây cung, đường kính, đường kinh tuyến, vĩ tuyến của mặt cầu. - Vị trí tương đối giữa điểm và mặt cầu. - Vị trí tương đối giữa mặt phẳng và mặt cầu. - Vị trí tương đối giữa đường thẳng và mặt cầu. - Khái niệm mặt cầu nội tiếp, ngoại tiếp hình đa diện. - Khái niệm hình đa diện nội tiếp, ngoại tiếp mặt cầu.	1	0.75			1	2.50	1	4.00	3	7.25	6

[illegible]

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	% tổng điểm
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian			
			tích khối cầu đó (trừ các dạng: các đỉnh cùng nhìn một cạnh dưới một góc vuông, hình chóp đa giác đều, hình chóp có cạnh bên vuông góc với đáy). - Các bài toán kết hợp giữa hình nón, trụ, cầu. - Bài toán thực tế. - Cực trị hình học.											
Tổng				20	15	15	30	10	25	5	20	50	90	100
Tỉ lệ %				40		30		20		10		100		
Tỉ lệ chung %				70				30				100		

Chủ đề kiến thức	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Thấp	Cao	
Phần I: Đọc hiểu <i>Đọc hiểu các loại văn bản: truyện, thơ, nghị luận, thông tin</i>	Học sinh nắm được nội dung, vị trí của văn bản; hiểu nghĩa của từ, xác định phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, chủ đề, đề tài ..	Học sinh phát hiện và hiểu được hiệu quả của biện pháp nghệ thuật, Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật, của tác giả thể hiện trong văn bản	Lí giải suy luận, các nội dung khác liên quan đến văn bản. đọc hiểu Trình bày những bài học ứng xử cho bản thân. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả	Thể hiện rõ quan điểm, cá tính sáng tạo việc lí giải, so sánh. - Viết đoạn văn ngắn có những kiến giải riêng sâu sắc, thuyết phục; diễn đạt hấp dẫn, thuyết phục.	
	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm: 1,5</i> Tỉ lệ : 25%	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 1.0</i> Tỉ lệ: 15%	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 1.0</i> Tỉ lệ: 10%	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 1,5</i> Tỉ lệ: 0.5%	<i>Số câu: 5</i> <i>Số điểm: 5</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>
Phần II Làm văn <i>Nghị luận văn học về một trích đoạn trong tác phẩm Sóng- XQ, Người lái đò sông Đà- NT, Ai đã đặt tên cho dòng sông ? HPNT</i>	Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.	Hiểu đúng vấn đề nghị luận, - Lựa chọn và sắp xếp các luận điểm để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận - Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.	Vận dụng những kiến thức đã học về thơ để phân tích, cảm nhận về sự độc đáo của nội dung và nghệ thuật ở đoạn trích trong tác phẩm - Bài viết trình bày một cách thuyết phục, lập luận chặt chẽ văn viết có cảm xúc.	Bài viết sáng tạo, có những kiến giải riêng sâu sắc, thuyết phục; diễn đạt hấp dẫn, thuyết phục. - Biết so sánh liên văn bản	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 5</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>
	Tỉ lệ 15%	Tỉ lệ: 15%	Tỉ lệ %: 10%	Tỉ lệ %: 0.5%	Tổng điểm: 5 Tỉ lệ 50%
Cộng chung	Tỉ lệ 40%	Tỉ lệ: 30%	Tỉ lệ %: 20%	Tỉ lệ %: 10%	Tổng 2 phần Tổng điểm: 10- 100%

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN- MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN TIẾNG ANH (Năm học: 2023-2024)
LỚP 12. (50 CÂU TRẮC NGHIỆM)

	Content	Số câu	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
PHONETICS	Pronunciation	2	1		1	
	Stress patterns	2	1		1	
GRAMMAR	Verb tenses	1			1	
	Verb forms	1	1			
	Relative clauses	2		1	1	
	Passive voice	1	1			
	Conditional sentences	2		1		1
	Phrases and clauses of Concession	2	1		1	
	Phrases and clauses of Reason	2		1	1	
	Error recognition	2	1			1
	Writing (Combination / Transformation)	5	2	1	2	
COMMUNICATION	Utterance - Response	2	1	1		
VOCABULARY (HIGHER EDUCATION – FUTURE JOBS)	Synonym	2		1		1
	Antonym	2		1	1	
	Word forms	3	1	1		1
	Collocations	2	1		1	
READING COMPREHENSION (HIGHER EDUCATION – FUTURE JOBS)	Main idea/ Best title	1		1		
	Specific information	2	1	1		
	Inference information	2	1	1		
	True – Not true	2	2			
	Vocabulary	3	1	1		1
	Restatement	2	1	1		
CLOZE READING	Conjunction	1	1			
	Relative words	1	1			
	Word choice	1		1		
	Quantifiers	1	1			
	Phrasal verbs	1		1		
TỔNG CỘNG		50	20	15	10	5
ĐIỂM		10Đ	4Đ	3Đ	2Đ	1Đ

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - MÔN VẬT LÝ 12 (2023 - 2024)

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
DAO ĐỘNG CƠ (3 điểm)	Dao động điều hòa (0,5 điểm)	Nhận biết: - Dao động, dao động tuần hoàn, dao động điều hòa - Phương trình x, v, a - Biên độ, tần số, tần số góc, chu kì, pha ban đầu. - Tính chất chuyển động của vật. Thông hiểu: - Giá trị li độ, vận tốc, gia tốc ở các vị trí đặc biệt - Độ lệch pha giữa các đại lượng x, v, a - Đồ thị của x, v, a theo t	1	1		
	Con lắc lò xo (0,75 điểm)	Chỉ xét dao động điều hòa của con lắc lò xo nằm ngang Nhận biết: - Đặc điểm dao động của con lắc lò xo - Công thức tính chu kỳ, tần số, động năng, thế năng, lực đàn hồi, lực hồi phục Thông hiểu: - Sự phụ thuộc của chu kỳ, tần số theo biên độ dao động, khối lượng vật nặng, độ cứng lò xo - Sự thay đổi chiều dài của lò xo trong quá trình vật dao động - Sự thay đổi của lực đàn hồi theo vị trí của vật - Sự thay đổi của động năng, thế năng, cơ năng trong quá trình vật dao động điều hòa Vận dụng: - Áp dụng công thức tính chu kỳ, tần số, lực kéo về, động năng, thế năng, cơ năng - Tìm phương trình dao động điều hòa. Vận dụng cao: - Giải bài toán liên quan đến lực đàn hồi và năng lượng của con lắc lò xo. - Tính thời gian, quãng đường vật dao động điều hòa.	1	<u>1</u>	1	1 - <u>0</u>
	Con lắc đơn (0,5 điểm)	Chỉ xét con lắc đơn dao động điều hòa Nhận biết: - Đặc điểm dao động điều hòa của con lắc đơn - Công thức tính chu kỳ, tần số, động năng, thế năng, lực kéo về trong dao động điều hòa - Động năng, thế năng, cơ năng trong con lắc đơn	1	1		

		Thông hiểu: - Sự thay đổi chu kỳ theo chiều dài dây treo và gia tốc trọng trường - Sự chuyển hóa năng lượng trong quá trình dao động của con lắc đơn - Ứng dụng của con lắc đơn trong việc xác định gia tốc rơi tự do				
	Dao động tắt dần, dao động cưỡng bức (0,5 điểm)	Nhận biết: - Phân biệt dao động tắt dần, dao động duy trì, dao động cưỡng bức. - Khi nào xảy ra hiện tượng cộng hưởng Thông hiểu: - Nêu được các đặc điểm của dao động cưỡng bức, hiện tượng cộng hưởng - Nguyên nhân của dao động tắt dần - Sự phụ thuộc của biên độ vào tần số ngoại lực trong dao động cưỡng bức	1	1		
	Tổng hợp hai dao động điều hòa cùng phương, cùng tần số (0,75 điểm)	Nhận biết: - Hai dao động cùng phương, cùng tần số - Công thức tính biên độ và pha ban đầu của dao động tổng hợp - Biết được ảnh hưởng của độ lệch pha 2 dao động thành phần đến biên độ tổng hợp Thông hiểu: - Sự phụ thuộc của biên độ tổng hợp theo độ lệch pha của 2 dao động thành phần - Xác định pha ban đầu của dao động tổng hợp bằng giản đồ véc tơ Vận dụng: - Tìm phương trình dao động tổng hợp - Khảo sát dao động của vật từ phương trình tổng hợp	1	1	1	
SÓNG CƠ, SÓNG ÂM (3 điểm)	Sóng cơ và sự truyền sóng (0,5 điểm)	Nhận biết - Định nghĩa về sóng cơ, sóng dọc, sóng ngang và nêu được ví dụ về sóng dọc, sóng ngang. - Định nghĩa về tốc độ truyền sóng, bước sóng, tần số sóng, biên độ sóng và năng lượng sóng. - Công thức liên hệ giữa chu kỳ T, tần số f, tốc độ v và bước sóng λ - Công thức tìm độ lệch pha giữa 2 điểm bất kỳ trên cùng một phương truyền sóng - Sự khác nhau của tốc độ truyền sóng trong các môi trường - Các điểm dao động cùng pha, ngược pha, vuông pha trên đồ thị Thông hiểu: - Các đại lượng đặc trưng của một sóng hình sin: biên độ của sóng, chu kỳ của sóng, bước sóng. - Trạng thái dao động của các điểm khác nhau trên cùng một phương truyền sóng (các điểm cùng pha, ngược pha, vuông pha)	1	1		
	Giao thoa sóng (0,75 điểm)	Chỉ xét bài toán hai nguồn kết hợp cùng pha. Nhận biết: - Hiện tượng giao thoa của hai sóng mặt nước và nêu được các điều kiện để có sự giao	1	1	1	

		thoa của hai sóng. - Vị trí các điểm cực đại, cực tiểu Thông hiểu: - Điều kiện để xảy ra hiện tượng giao thoa - Kết quả hiện tượng giao thoa - Sự phụ thuộc biên độ theo $d_2 - d_1$ - Vị trí cực đại, cực tiểu; đường cực đại, cực tiểu Vận dụng - Tìm vị trí các điểm cực đại, cực tiểu - Tính biên độ dao động của một điểm trong vùng giao thoa - Tính số điểm cực đại, cực tiểu trên đoạn nối 2 nguồn				
	Sóng dừng (0,75 điểm)	Nhận biết: - Độ lệch pha của sóng phản xạ và sóng tới ở điểm phản xạ - Điểm bụng, điểm nút trên dây khi có sóng dừng - Khoảng cách giữa 2 nút hoặc 2 bụng liên tiếp Thông hiểu: - Điều kiện để có sóng dừng trên dây với 2 đầu cố định - Điều kiện để có sóng dừng trên dây với 1 đầu cố định 1 đầu tự do - Khoảng cách nút – bụng Vận dụng: - Tính toán các đại lượng đặc trưng của sóng khi khảo sát hiện tượng sóng dừng. - Tìm tần số phù hợp để có sóng dừng trên dây - Đếm số nút, số bụng trên dây khi có sóng dừng	1	1	1	
	Đặc trưng vật lý của âm (0,75 điểm)	Nhận biết: - Các đại lượng đặc trưng vật lý của âm - Công thức tính mức cường độ âm - Đơn vị của mức cường độ âm Thông hiểu: - Sự phụ thuộc của các đặc trưng sinh lý của âm vào các đại lượng vật lý của âm. - Sự phụ thuộc của mức cường độ âm theo khoảng cách từ vị trí xét tới nguồn - Sự thay đổi của tần số, tốc độ truyền âm khi truyền trong môi trường Vận dụng: - Tính các đại lượng đặc trưng của sóng âm: tần số, tốc độ truyền âm, mức cường độ âm. - Sự thay đổi của cường độ âm theo khoảng cách và công suất của nguồn âm Vận dụng cao: - Sự thay đổi của cường độ âm, mức cường độ âm theo công suất của nguồn và khoảng cách từ điểm xét đến nguồn.	1	1	<u>1</u>	1 <u>-0</u>

	Đặc trưng sinh lý của âm (0,25 điểm)	Nhận biết: - Các đặc trưng sinh lý của âm. - Sự phụ thuộc của các đặc trưng sinh lý theo các đặc trưng vật lý của âm	1			
DÒNG ĐIỆN XOAY CHIỀU (4 điểm)	Đại cương về dòng điện xoay chiều (1,0 điểm)	Nhận biết: - Biểu thức cường độ dòng điện xoay chiều, điện áp xoay chiều theo t - Giá trị hiệu dụng, giá trị cực đại, giá trị tức thời của cường độ dòng điện và điện áp. Thông hiểu: - Phân biệt các giá trị hiệu dụng, cực đại và tức thời của cường độ dòng điện và điện áp. - Tần số, giá trị hiệu dụng của điện áp gia đình - Giá trị đọc được trên các thiết bị đo. - Đồ thị sự phụ thuộc của cường độ dòng điện và điện áp theo thời gian Vận dụng: - Khảo sát sự thay đổi của điện áp và cường độ dòng điện theo t - Đồ thị của điện áp và cường độ dòng điện theo t	2	1	1	
	Các mạch điện xoay chiều (1,0 điểm)	Nhận biết: - Mối liên hệ giá trị cực đại, giá trị hiệu dụng, độ lệch pha, giá trị tức thời của điện áp và cường độ dòng điện chạy trong các đoạn mạch có một phần tử - Công thức tính cảm kháng, dung kháng Thông hiểu: - Mối liên hệ giá trị cực đại, giá trị hiệu dụng, độ lệch pha, giá trị tức thời của điện áp và cường độ dòng điện chạy trong các đoạn mạch có một phần tử - Sự phụ thuộc của cảm kháng và dung kháng theo tần số Vận dụng: - Vận dụng các công thức liên hệ để tìm giá trị cực đại, giá trị hiệu dụng, giá trị tức thời của điện áp hoặc cường độ dòng điện. - Tìm biểu thức của điện áp hoặc cường độ dòng điện	2	1	1	
	Mạch R,L,C mắc nối tiếp (1,0 điểm)	Các lớp 12B,D chỉ khảo sát đối với cuộn dây thuần cảm Nhận biết: - Công thức: tính tổng trở, Điện áp hiệu dụng, điện áp cực đại, độ lệch pha của điện áp so với cường độ dòng điện. - Mạch có tính cảm kháng, dung kháng và cộng hưởng điện. Thông hiểu: - Sự thay đổi giá trị hiệu dụng của dòng điện khi thay đổi các tham số R, L, C, f. - Sự thay đổi độ lệch pha giữa điện áp và cường độ dòng điện khi thay đổi các tham số R, L, C, f - Mạch có cộng hưởng điện Vận dụng:	1	1	1 - 2	1 - 0

		- Áp dụng các công thức tính tổng trở, giá trị hiệu dụng (cực đại) của điện áp và cường độ dòng điện, độ lệch pha của điện áp và cường độ dòng điện. - Tìm biểu thức của điện áp hoặc cường độ dòng điện. - Khảo sát mạch có cộng hưởng điện Vận dụng cao: Chỉ xét cuộn dây thuần cảm - Áp dụng các công thức tính tổng trở, giá trị hiệu dụng (cực đại) của điện áp và cường độ dòng điện, độ lệch pha của điện áp và cường độ dòng điện ở mức cao hơn. - Áp dụng giản đồ véc tơ để giải các bài toán dòng điện xoay chiều				
	Công suất tiêu thụ của mạch điện xoay chiều. Hệ số công suất (1,0 điểm)	Các lớp 12B,D chỉ khảo sát đối với cuộn dây thuần cảm Nhận biết: - Công thức tính công suất, hệ số công suất. - Vai trò của hệ số công suất trong các đoạn mạch - Hệ số công suất khi mạch có cộng hưởng điện Thông hiểu: - Công suất tiêu thụ ở các loại đoạn mạch khác nhau. - Ảnh hưởng của hệ số công suất đến công suất tiêu thụ của mạch điện xoay chiều. - Hệ số công suất đối với các loại đoạn mạch khác nhau. Vận dụng: - Vận dụng tính công suất, hệ số công suất đối với các đoạn mạch điện xoay chiều. Vận dụng cao: Chỉ xét cuộn dây thuần cảm - Vận dụng tính công suất, hệ số công suất đối với các đoạn mạch điện xoay chiều ở mức độ cao hơn - Khảo sát sự thay đổi của công suất, hệ số công suất khi đoạn mạch có R thay đổi.	1	1	1 - 2	1 - 0
Tổng số câu:			16	12 - 13	8 - 11	4

Chú ý: Các lớp 12B,D chú ý đọc kỹ nội dung và số câu trong từng mức độ (phần **gạch dưới** dành cho các lớp 12B,D).

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2023 - 2024

MÔN: Hóa học 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 phút – Hình thức: Trắc nghiệm

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Thời gian	% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)		
1	Chương 1. Este - Lipit	1. Este	1	0.75	1	1	-	-	-	-	1.75	5
		2. Chất béo	1	0.75	-	-	-	-	-	-	0.75	2.5
2	Chương 2. Cacbohidrat	Glucozơ, Fructozơ, Saccarozơ, Tinh bột và xenlulozơ	1	0.75	1	1	-	-	-	-	1.75	5
3	Chương 3. Amin - Aminoaxit - Peptit - Protein	1. Amin	2	1.5	1	1	-	-	-	-	2.5	7.5
		2. Aminoaxit	1	0.75	1	1	1	2	-	-	3.75	7.5
		3. Peptit - Protein	2	1.5	1	1	1	2	1	2.5	7	12.5
4	Chương 4. Polime	Đại cương polime và vật liệu polime	2	1.5	2	2	-	-	-	-	3.5	10
5	Chương 5. Đại cương kim loại	1. Vị trí kim loại trong BHTTH - Tính chất vật lý	2	1.5	-	-	-	-	-	-	1.5	5
		2. Tính chất hóa học - Dây điện hóa	4	3	4	4	1	2	1	2.5	11.5	25
6	TỔNG HỢP HỮU CƠ		-	-	-	-	3	6	1	2.5	8.5	10
7	TỔNG HỢP VÔ CƠ		-	-	1	1	2	4	1	2.5	7.5	10
Tổng			16	12	12	12	8	16	4	10	50	100
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%			

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2023 - 2024

MÔN: Hóa học 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 phút – Hình thức: Trắc nghiệm

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chương 1: Este – Lipit	1. Este	Nhận biết: - Khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử, danh pháp (gốc - chức) của este. - Tính chất hoá học: Phản ứng thủy phân (xt axit) và phản ứng với dung dịch kiềm (phản ứng xà phòng hoá). - Phương pháp điều chế bằng phản ứng este hoá. - Ứng dụng của một số este tiêu biểu. Thông hiểu: - Este không tan trong nước và có nhiệt độ sôi thấp hơn axit đồng phân. - Xác định CTCT, tên gọi este khi biết CTCT, tên gọi sản phẩm phản ứng thủy phân và ngược lại. - Viết được công thức cấu tạo của este có tối đa 4 nguyên tử cacbon. - Viết phương trình hoá học minh họa tính chất hoá học este no, đơn chức. - Xác định CTCT, tính khối lượng các chất trong phản ứng thủy phân este, phản ứng cháy 1 este no, đơn.	1	1		
		2. Lipit	Nhận biết: - Khái niệm và phân loại lipit. - Khái niệm chất béo, biết công thức cấu tạo chất béo. Gọi tên chất béo cơ bản. - Tính chất vật lý (trạng thái, tính tan). - Tính chất hoá học (tính chất chung của este và phản ứng hidro hoá chất béo lỏng). - Ứng dụng của chất béo. - Cách chuyển hoá chất béo lỏng thành chất béo rắn, phản ứng oxi hoá chất béo bởi oxi không khí.	1			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
2	Chương 2: Cacbohidrat	Glucozo, Fructozo, Saccarozo, tinh bột và xenlulozo	Nhận biết: - Khái niệm, phân loại cacbohidrat. - Công thức cấu tạo dạng mạch hở, tính chất vật lí (trạng thái, màu, mùi, độ tan), ứng dụng của cacbohidrat. - CTPT, đặc điểm cấu tạo. - Tính chất hóa học của saccarozo, tinh bột, xenlulozo (thủy phân trong môi trường axit). Tính chất riêng (phản ứng của hồ tinh bột với iot, phản ứng của xenlulozo với axit HNO₃), ứng dụng. - Tính chất hóa học của glucozo: Tính chất của ancol đa chức, anđehit đơn chức; phản ứng lên men rượu. Thông hiểu: - Tính khối lượng các chất trong phản ứng lên men rượu, phản ứng tráng bạc, phản ứng cháy. - Dự đoán được tính chất hóa học. - Viết được PTHH chứng minh tính chất hoá học. - Phân biệt các cacbohidrat với glixerol bằng phương pháp hoá học.	1	1		
3	Chương 3: Amin – aminoaxit và Protein	1. Amin	Nhận biết: - Khái niệm, phân loại, bậc, cách gọi tên (theo danh pháp thay thế và gốc - chức). - Đặc điểm cấu tạo phân tử, tính chất vật lí (trạng thái, màu, mùi, độ tan) của amin. - Tính chất hóa học điển hình của amin là tính bazơ, anilin có phản ứng thế với brom trong nước. - Viết các PTHH minh họa tính chất. - Nêu hiện tượng của thí nghiệm. Thông hiểu: - Tính khối lượng các chất trong phản ứng với axit, phản ứng cháy của amin khi biết CTCT, CTPT của amin. - Xác định CTCT amin dựa vào phản ứng tạo muối, cháy theo số liệu đã cho.	2	1		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		2. Amino axit	Nhận biết: - Định nghĩa, đặc điểm cấu tạo phân tử, ứng dụng quan trọng của amino axit. - Biết công thức cấu tạo và tên thông thường của một số aminoaxit thiên nhiên. - Tính chất hóa học của amino axit (tính lưỡng tính) Thông hiểu: - phản ứng este hoá; phản ứng trùng ngưng của ϵ và ω- amino axit). Tính axit-bazơ của aminoaxit. - Tính khối lượng các chất trong phản ứng với axit, bazơ, phản ứng cháy của amino axit khi biết CTCT, CTPT của aminoaxit. - Xác định CTPT theo số liệu đã cho. - Dự đoán tính lưỡng tính của amino axit, kiểm tra dự đoán và kết luận. - Viết các PTHH chứng minh tính chất của amino axit. - Phân biệt dung dịch amino axit với dung dịch chất hữu cơ khác bằng phương pháp hoá học. - Viết cấu tạo và gọi tên một số amino axit $C \leq 3$ Vận dụng: - Xác định cấu tạo, tính khối lượng amino axit dựa vào phản ứng tạo muối hoặc đốt cháy.	1	1	1	
		3. Peptit – Protein	Nhận biết: - Định nghĩa, đặc điểm cấu tạo. - Tính chất hoá học của peptit, protein. - Khái niệm, đặc điểm cấu tạo, tính chất của peptit, protein (sự đông tụ; phản ứng thủy phân, phản ứng màu của protein với $\text{Cu}(\text{OH})_2$). Vai trò của protein đối với sự sống Thông hiểu: - Phân biệt dung dịch protein với chất lỏng khác. - Viết cấu tạo một số peptit, dipeptit, tripeptit - Tính số mắt xích α-amino axit trong một phân tử peptit hoặc protein Vận dụng: - Bài toán thủy phân hoàn toàn các peptit đơn giản. - Xác định cấu tạo peptit, tính khối lượng peptit dựa vào phản ứng thủy phân hoặc đốt cháy 1 peptit cụ thể.	2	1	1	1

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Vận dụng cao: - Xác định cấu tạo peptit, tính khối lượng peptit dựa vào phản ứng thủy phân hoặc đốt cháy peptit chưa biết.				
4	Chương 4: Polime – Vật liệu polime.	Đại cương về polime. Vật liệu polime.	Nhận biết: - Khái niệm, đặc điểm cấu tạo một số polime: chất dẻo, tơ, cao su. - Tính chất vật lí (trạng thái, nhiệt độ nóng chảy) - Ứng dụng một số polime: chất dẻo, tơ, cao su. - Một số phương pháp tổng hợp polime (trùng hợp, trùng ngưng). - Đọc được tên một số polime thông dụng. - Phân biệt được polime thiên nhiên với polime tổng hợp hoặc nhân tạo. Thông hiểu: - Từ đặc điểm cấu tạo của monome dự đoán được loại phản ứng điều chế polime tương ứng. - Phân biệt được chất dẻo, cao su, tơ. - Tính được số mắt xích. - Tính được khối lượng các chất trong bài toán sản xuất polime.	2	2		
5	Chương 5: Đại cương về kim loại.	1. Vị trí của kim loại trong bảng tuần hoàn và cấu tạo của kim loại. Tính chất vật lí.	Nhận biết: - Vị trí, đặc điểm cấu hình lớp electron ngoài cùng của kim loại. - Tính chất vật lí chung và riêng của kim loại.	2			
		2. Tính chất hóa học của kim loại. Dẫn điện hóa của kim loại	Nhận biết: - Tính chất hoá học chung là tính khử: + khử phi kim + khử ion H^+ trong nước, dung dịch axit + ion kim loại trong dung dịch muối. - Khái niệm cặp oxi hóa – khử, khả năng khử của các kim loại và khả năng oxi hóa của các ion kim loại. - Quy luật sắp xếp và ý nghĩa dãy điện hóa các kim loại (các nguyên tử được sắp xếp theo chiều giảm dần tính khử, các ion kim loại được sắp xếp theo chiều tăng dần tính oxi hoá).	4	4	1	1

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Viết được PTHH chứng minh tính khử của kim loại, tính oxi hóa của ion kim loại. Thông hiểu: - Tính khối lượng kim loại phản ứng hoặc sản phẩm tạo thành trong phản ứng oxi hóa kim loại. - Xác định thành phần định tính của sản phẩm trong phản ứng oxi hóa kim loại. - Tính % khối lượng kim loại trong hỗn hợp. - Bài toán xác định kim loại. - So sánh mức độ của các cặp oxi hóa – khử, dự đoán được chiều phản ứng oxi hóa - khử dựa vào dãy điện hoá. Vận dụng: - Bài toán oxi hóa khử hỗn hợp kim loại với phi kim. - Bài toán oxi hóa khử hỗn hợp kim loại với axit tạo hỗn hợp sản phẩm khí, NH_4NO_3. - Bài toán hỗn hợp kim loại cho vào dung dịch hỗn hợp muối. - Bài toán hỗn hợp kim loại cho vào nước. Vận dụng cao: - Tính toán dựa trên nhiều quá trình vận dụng các định luật bảo toàn khối lượng, bảo toàn e, bảo toàn nguyên tố, bảo toàn điện tích trong dung dịch.				
6	Tổng hợp kiến thức hữu cơ		Lý thuyết tổng hợp về các hợp chất este, chất béo, cacbohidrat, amin, amino axit, peptit, protein, polime			3	1
7	Tổng hợp kiến thức vô cơ		Lý thuyết về vị trí, tính chất vật lý, hóa học chung của kim loại. Dãy điện hóa của kim loại.		1	2	1
Tổng				16	12	8	4

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – MÔN: SINH 12
NĂM HỌC: 2023 – 2024
THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
1	CHUYÊN ĐỀ 1: CƠ CHẾ DI TRUYỀN PHÂN TỬ & BIẾN DỊ	Bài 1. Gen, mã di truyền và quá trình nhân đôi ADN	Nhận biết - Nêu được sơ lược về cấu trúc của gen phân đoạn ở sinh vật nhân thực Thông hiểu - Trình bày được các giai đoạn, các bước của cơ chế sao chép DNA ở tế bào nhân sơ	2	1.5	1	1.25	0	0	0	0	3	2.75	7.5
2		Bài 2. Phiên mã và dịch mã	Nhận biết - Nêu được định nghĩa của mã di truyền và một số đặc điểm của mã di truyền Thông hiểu - Trình bày được các giai đoạn, các bước của cơ chế, phiên mã, dịch mã, ở tế bào nhân sơ	2	1.5	1	1.25	0	0	0	0	3	2.75	7.5

3		Bài 3. Điều hòa hoạt động của gen	Nhận biết - Nêu được khái niệm Operon - Nêu được cấu trúc của Operon Lac Thông hiểu - Trình bày được cơ chế điều hòa của gen ở sinh vật nhân sơ (theo mô hình Mono và Jacop)	1	0.75	1	1.25	0	0	0	0	2	2.0	5.0
4		Bài 4. Đột biến gen	Nhận biết - Nêu được nguyên nhân, tính chất biểu hiện dạng đột biến gen Thông hiểu - Trình bày được vai trò của các dạng đột biến gen Vận dụng - Tính được số loại nucleotit và số liên kết hidro của gen sau đột biến	1	0.75	1	1.25	1	1.5	0	0	3	3.5	7.5
5		Bài 5. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể (NST)	Nhận biết - Mô tả được cấu trúc siêu hiển vi của nhiễm sắc thể (NST) - Nêu được sự biến đổi hình thái NST qua các kì phân bào - Kể tên được các dạng đột biến cấu trúc NST Thông hiểu - Trình bày được hậu quả và vai trò của các dạng đột biến cấu trúc NST Vận dụng - Một số phương pháp ngăn ngừa bệnh di truyền NST ở trẻ em	2	1.5	2	2.5	1	1.5	0	0	5	5.5	12.5

6		Bài 6. Đột biến số lượng nhiễm sắc thể (NST)	Nhận biết - Kể tên được các dạng đột biến số lượng NST Thông hiểu - Trình bày được cơ chế hình thành dạng đột biến lệch bội (thể một và thể ba) - Trình bày được hậu quả và vai trò của các dạng đột biến số lượng NST Vận dụng - Tính được số lượng NST trong các thể đột biến - Phân biệt được đa bội lẻ và đa bội chẵn	4	3.0	2	2.5	1	1.5	0	0	7	7.0	17.5
7	CHUYÊN ĐỀ 2: QUY LUẬT DI TRUYỀN	Bài 8. Quy luật phân ly	Nhận biết - Nêu được đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của Mendel Thông hiểu - Trình bày được và các bước trong phương pháp nghiên cứu của Mendel - Phân biệt được phép lai phân tích\ Vận dụng - Tính được tỉ lệ kiểu gen, kiểu hình, giao tử của phép lai 1 tính trạng, phép lai phân tích Vận dụng cao - Viết được tỉ lệ kiểu gen, kiểu hình của phép lai 1 tính trạng khi tính trạng trội hoàn toàn .	2	1.5	2	2.5	2	3.0	1	2.75	7	9.75	17.5

8		Bài 9. Quy luật phân ly độc lập	Nhận biết - Nêu được điều kiện nghiệm đúng của quy luật phân ly độc lập Thông hiểu - Phân biệt được số lượng giao tử khi tế giảm phân và cơ thể giảm phân Vận dụng - Viết được tỉ lệ kiểu gen tỉ lệ kiểu gen, tỉ lệ kiểu hình của phép lai 2 hoặc 3 tính trạng Vận dụng cao - Tính được tỉ lệ kiểu gen và kiểu hình thu được khi cho giao phấn ngẫu nhiên	2	1.5	2	2.5	3	4.5	3	8.25	10	16.75	25
Tổng số				16	12	12	15	8	12	4	11	40	50	100
Tỉ lệ %				40%		30%		20%		10%		100%		
Tỉ lệ chung %				70%				30%				100%		

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I – SINH HỌC 12 (KHXH và TH)

NĂM 2023 – 2024
THỜI GIAN LÀM BÀI 50 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	TN	TL		
1	Đột biến gen và nhiễm sắc thể	- Nhận biết : Khái niệm gen, thể đột biến. - Thông hiểu : Đột biến nào di truyền và không di truyền.	1	0,75'	1	1,25'					2		2'	5%
		- Nhận biết : Các tác nhân gây ra đột biến - Thông hiểu ? Các dạng đột biến điểm.	1	0,75'	1	1,25'					2		2'	5%
2		- Nhận biết : Các giai đoạn đột biến do các tác nhân gây ra - Thông hiểu : Đột biến làm thay đổi liên kết hidro.	1	0.75'	1	1,25'					2		2'	5%
		- Thông hiểu : Tính chiều dài của gen đột biến. - Vận dụng : Số aa của gen đột biến - Vận dụng cao : Tính số lượng nucleotit, axit amin của gen đột biến			1	1,25'	2	3'	1	2,75'	4		7'	10%
3		- Nhận biết : Khái niệm, thành phần, cấu trúc NST.	2	1,5'							2		1,5'	5%

		- Nhận biết: Các dạng đột biến cấu trúc NST. - Thông hiểu: Những biến đổi của NST để nhận ra dạng đột biến	1	0,75'	2	2,5'					3	3,25'	7.5%	
		- Nhận biết: Các ứng dụng đột biến NST	1	0,75'							1	0,75'	2,5%	
		- Nhận biết: Khái niệm đột biến lệch bội, đa bội. - Thông hiểu: Nhận diện được đột biến thông qua biến đổi số lượng NST.	2	1,5'	1	1,25'					3	2,75'	7,5%	
		- Thông hiểu: Tính số lượng NST của thể đột biến. - Vận dụng: Nhận diện các loại thể đột biến. - Vận dụng cao. số loại đột biến lệch bội.			1	1,25'	2	3'	1	2,75	4	7'	10%	
		- Nhận biết: Ứng dụng đột biến trong thực tiễn. - Thông hiểu: Nhận diện bệnh hay hội chứng các dạng đột biến.	1	0,75'	1	1,25'					2	2'	5%	
4	Quy luật di truyền	- Nhận biết : Đặc điểm các đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu di truyền của Menden. - Thông hiểu: Các kiểm tra tính trạng trội có thuần chủng hay không.	2	1,5'	1	1,25'					3	3,25'	7.5%	
		- Nhận biết : Nội dung các quy luật di truyền, điều kiện nghiệm đúng. - Thông hiểu: Viết giao tử.	2	1.5'	1	1,25'					3	2,75'	7,5%	

		- Nhận biết: Cơ sở khoa học quy luật. - Vận dụng: Nhận diện các dạng di truyền, xác định kiểu gen.	2	1,5'			2	3'			4	4,5'	10%	
		- Thông hiểu: Tính số loại giao tử. - Vận dụng: Xác định được sự phân li của tính trạng. - Vận dụng cao: Tính xác suất dự đoán kết quả thông qua phép lai.			1	1,25'	2	3'	2	5,5'	5	9,75'	12,5%	
Tổng			16	12'	12	15'	8	12'	4	11'		12	50'	100%
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%					100
Tỉ lệ chung			70%				30%							

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN: Lịch sử 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 phút

ST T	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔ NG		% tồn g điể m
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu		
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian			
1	Quan hệ quốc tế (1945-2000)	Quan hệ quốc tế trong và sau Chiến tranh lạnh	Nhận biết: - Nêu được nguồn gốc nảy sinh chiến tranh lạnh; những sự kiện khởi đầu của chiến tranh lạnh; tác động của chiến tranh lạnh; biểu hiện và nguyên nhân của xu thế hòa hoãn Đông-Tây và chiến tranh lạnh chấm dứt. - Nêu được các xu thế phát triển của thế giới sau chiến tranh lạnh chấm dứt. Thông hiểu: - Khái niệm chiến tranh lạnh. - Hậu quả của Chiến tranh lạnh - Nguyên nhân Chiến tranh lạnh kết thúc. Vận dụng: - phân tích được tác động của Chiến tranh lạnh đối với quan hệ quốc tế Vận dụng cao - Đặc điểm của tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh. - Việt Nam chịu ảnh hưởng cuộc chiến tranh lạnh.	3	3	2	2,26	2	3	1	2	8	9.26	20 %
2	Cách mạng khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hóa	Cách mạng khoa học công nghệ và Xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX	Nhận biết: -Nêu : Nguồn gốc, đặc điểm, các giai đoạn phát triển. -Hiểu được thế nào là toàn cầu hoá. Trình bày được những biểu hiện của xu thế toàn cầu hoá từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX Thông hiểu: - Hiểu được cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay diễn ra mạnh mẽ là do những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người. - Hiểu được thế nào là toàn cầu hoá.	2	2	2	2,26	1	1.5			5	5.52	12.5 %

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN: Lịch sử 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 phút

			- Toàn cầu hóa có tác động gì đến đời sống con người Vận dụng: - Vị trí, vai trò Toàn cầu hóa trong đời sống nhân dân quốc tế. Vận dụng cao - Việt Nam có chịu tác động của CMKHKT và xu thế toàn cầu hóa không? Giải thích tại sao?											
3	Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930	Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925	Nhận biết: - Hoàn cảnh cuộc khai thác Thuộc địa lần 2 của Pháp ở Đông Dương. - Nắm được sự phân hóa các giai cấp trong xã hội -Nắm được về hoạt động của tư sản dân tộc, tiểu tư sản và công nhân - Hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giai đoạn 1919-1925 và tác động của nó đối với cách mạng Việt Nam. Thông hiểu: - Chương trình khai thác lần II của Pháp, tác động của nó đến kinh tế, xã hội Việt Nam . - Rút ra mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt nam lúc này là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt với đế quốc Pháp và bọn phản động tay sai. Vận dụng: - Tính chất và đặc điểm của phong trào tư sản dân tộc, tiểu tư sản và công nhân. - So sánh điểm giống và khai nhau so với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX đến đầu TKXX? Vận dụng cao -Vì sao sự kiện Ba son đã đánh dấu công nhân VN đầu tranh tự giác? -Ý nghĩa của việc đọc những luận cương về vấn đề dân tộc thuộc địa của Lê Nin. - Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và các bậc tiền bối đi trước có điểm gì khác? Điểm khác đó khẳng định điều gì?	3	3	2	2,26	1	1.5	1	2	7	8.76	17.5 %

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN: Lịch sử 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 phút

4	Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945	Phong trào cách mạng 1930-1935	Nhận biết: - Nắm được những nét cơ bản về tình hình Việt Nam trong những năm 1929- 1933. - Nắm được những nét chính về phong trào cách mạng nước ta trong thời kì đầu có Đảng lãnh đạo về lực lượng tham gia, mục tiêu đấu tranh, hình thức, quy mô phong trào. - Trình bày được diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô Viết - Nghệ Tĩnh (làm chủ chính quyền, thực hiện các chính sách tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hoá). - Trình bày được diễn biến chính của Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1930). - Những điểm chính của Luận cương tháng 10 -1930: chiến lược, sách lược, động lực và tổ chức lãnh đạo cách mạng, hình thức và phương pháp đấu tranh. Thông hiểu: - Nhận xét về: lực lượng chủ yếu tham gia phong trào, hình thức đấu tranh, mục tiêu đấu tranh, quy mô phong trào 1930-1931 - Hiểu được tính đúng đắn của Luận cương và một số điểm hạn chế về mâu thuẫn chính trong xã hội, động lực cách mạng... - Tác động của tình hình kinh tế tới đời sống xã hội Việt Nam: Đời sống của mọi tầng lớp nhân dân đều sa sút. Vận dụng: - Căn cứ vào đâu để khẳng định XVNT là hình thức sơ khai của chính quyền công nông nước ta, và đó là chính quyền của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng? - Vì sao XVNT là chính quyền của dân, do dân, vì dân Vận dụng cao - Nhận xét, đánh giá về Luận cương. - So sánh giữa Cương lĩnh chính trị của Nguyễn Ái Quốc với Luận cương chính trị của đồng chí Trần Phú, từ đó rút ra nhận xét.	3	3	2	2,26	2	3	1	2	8	10.26	20 %
---	--	--------------------------------	---	---	---	---	------	---	---	---	---	---	-------	------

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN: Lịch sử 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 phút

		Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939-1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời	Nhận biết: - Trình bày được tình hình Việt Nam những năm chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) về chính trị, kinh tế, xã hội. - Trình bày được Hội nghị 6 (11-1939) và Hội nghị BCH TW Đảng lần VIII (5/1941) - Nắm được công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: sự phát triển của Mặt trận Việt Minh, thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, xây dựng căn cứ địa cách mạng... - Cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền: + Nắm được những nét chính của giai đoạn khởi nghĩa từng phần + Trình bày diễn biến chính cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn. - Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được thành lập (2/9/1945). Thông hiểu: - Phân tích ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Vận dụng: - Qua tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945: phân tích được sự sáng suốt của Đảng trong việc chớp thời cơ phát động khởi nghĩa, nắm khái quát cuộc Tổng khởi nghĩa của nhân dân trong cả nước Vận dụng cao: - Xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. -Nhận định về tình hình cách mạng nước ta trong giai đoạn này. - Điểm mới trong nội dung Hội nghị 8	5	5	4	4.52	2	3	1	2	12	14.52	30 %
Tổng				16	16	12	14	8	12	4	5	40	50	100
Tỉ lệ %				40%		30%		20%		10%				100
Tỉ lệ chung %				70%				30%						100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 12

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Địa lí							
1	Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa - Các thành phần tự nhiên khác - Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống	Nhận biết – Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác. Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.	6	5		
2	Thiên nhiên phân hóa đa dạng	- Bắc - Nam - Đông- Tây - Độ cao - Các miền Địa lí tự nhiên	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Thông hiểu – Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao. – Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước.	5	2		
3	Sử dụng và bảo vệ tài	- Sinh vật - Đất	Nhận biết	5	1		

	nguyên thiên nhiên	- Các tài nguyên khác	– Trình bày được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. – Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. – Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường Việt Nam. Thông hiểu - Giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.				
4	At lat Địa lí Việt Nam	Trang hành chính Trang các thành phần tự nhiên Trang các miền Địa lí tự nhiên	Vận dụng – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta. – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. Vận dụng cao – Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến đặc điểm tự nhiên của nước ta thông qua bản đồ (Ắt Lát)		4	8	4
Số câu/ loại câu				16	12	8	4
Tổng hợp chung				40%	30%	20%	10%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: GDCD LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức cần đạt	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			
				Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL	Thời gian (phút	
1	Thực hiện pháp luật	Thực hiện pháp luật	Nhận biết -Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật và các loại vi phạm pháp luật. Thông hiểu - Phân biệt được các hình thức thực hiện pháp luật - Hiểu được vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. Vận dụng - Ủng hộ các hành vi thực hiện đúng pháp luật. - Phê phán những hành vi làm trái pháp luật. Vận dụng cao - Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.	5	5	4	5	2	3	1	3	12		16	36.36

2	Công Dân bình đẳng trước pháp luật	Công dân bình đẳng trước pháp luật	Nhận biết - Biết được thế nào là bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Thông hiểu - Hiểu được thế nào là bình đẳng về trách nhiệm pháp lí. Vận dụng - Đánh giá được hành vi vi phạm về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.	1	1	1	1.25	1	1.5			3	3.75		9.1
---	--	--	--	---	---	---	------	---	-----	--	--	---	------	--	-----

3	Quyền bình đẳng của CD trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội	Quyền bình đẳng của CD trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội	Nhận biết Nêu được khái niệm, nội dung quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực: hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh. Thông hiểu Biết thực hiện và nhận xét việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh. Vận dụng Đánh giá được các vi phạm trong thực hiện các quyền bình đẳng của công dân trong hôn nhân và gia đình, trong lao động, trong kinh doanh. Vận dụng cao Thực hiện đúng các quyền bình đẳng của công dân trong hôn nhân và gia đình, trong lao động, trong kinh doanh.	5	5	4	5	2	3	1	3	12		16	36.36
---	--	--	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	--	----	-------

4	Bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	Bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	Nhận biết - Nêu được khái niệm, nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. Thông hiểu - Biết thực hiện và nhận xét việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo Vận dụng - Đánh giá được các vi phạm trong thực hiện các quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. Vận dụng cao - Thực hiện đúng các nội dung trong quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.	2	2	1	1.25	2	3	1	3	6		9.25	18.18
	Tổng			13	13	10	12.5	7	10.5	3	9	33		45	100
	Tỉ lệ			40		30		20		10					
	Tỉ lệ chung			70				30							

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: CÔNG NGHỆ 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Linh kiện điện tử	Điện trở - Tụ điện - Cuộn cảm.	Nhận biết: - Nêu được cấu tạo, công dụng, kí hiệu của điện trở, tụ điện, cuộn cảm. - Nắm được quy ước về các vòng màu trên điện trở. Thông hiểu: - Phân loại được các loại điện trở, tụ điện, cuộn cảm - Vẽ lại kí hiệu của điện trở, tụ điện, cuộn cảm. Vận dụng: - Đọc được trị số điện trở, tụ điện. Vận dụng cao: - Tính được trị số điện trở từ các vòng màu.	4	2	4	3
		Linh kiện bán dẫn và IC	Nhận biết: - Nêu được công dụng, cấu tạo, kí hiệu của Diode , Tranzito, Tirixtor, Triac, Diac, quang điện trở và IC. Thông hiểu: - Phân biệt các loại Diode, các loại Tranzito, Tirixtor, Triac, Diac, quang điện trở và IC. - Biết cách đánh số chân của IC. Vận dụng: - Đọc được kí hiệu của các loại Diode, Tranzito, Tirixtor, Triac, Diac, quang điện trở và IC trong mạch điện. - Biết cách xác định chân cực của Diode, Tranzitor.	3	2	3	0

2	Một số mạch điện tử cơ bản	Khái niệm về mạch điện tử - chỉnh lưu - nguồn một chiều.	Nhận biết: - Nêu khái niệm mạch điện tử. - Nhận ra mạch nguồn một chiều. Thông hiểu: - Phân biệt các khối của mạch nguồn một chiều. - Trình bày được chức năng các khối của mạch nguồn một chiều.	3	3	0	0
		Mạch Khuếch đại - Mạch tạo xung	Nhận biết: - Nêu khái niệm mạch khuếch đại – mạch tạo xung. - Nhận ra mạch khuếch đại – mạch tạo xung. Thông hiểu: - Phân biệt các khối của mạch khuếch đại – mạch tạo xung. - Trình bày được chức năng mạch khuếch đại – mạch tạo xung	3	3	0	0
Tổng				13	10	7	3

TTCM

TRẦN THỊ HÀ



MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 - MÔN TIN HỌC - KHỐI 12- NH 2023-2024
- HÌNH THỨC: TRẮC NGHIỆM - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								% Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	§4 Cấu trúc bảng	Các khái niệm chính trong cấu trúc dữ liệu bảng trường, bản ghi, khóa chính, thuộc tính, kiểu dữ liệu, liên kết bảng	3		2						21%
		Phân biệt các chế độ làm việc	2								
2	§8. Truy vấn dữ liệu	Ý nghĩa về truy vấn dữ liệu, Giao diện thiết kế, Các thành phần trên lưới QBE	3		1						79%
		Các bước chính để tạo ra 1 truy vấn	1								
		Xác định được yêu cầu của truy vấn dựa vào 1 ví dụ cho trước ở chế độ thiết kế							2		
		Biểu thức, phép toán, toán hạng	3		3		5		1		
		Truy vấn chọn có thống kê (Total Query): ý nghĩa, thao tác	1		4		2				
Tổng			13		10		7		3		33
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		
Tỉ lệ chung			100%								

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 MÔN TIN HỌC – KHỐI 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	§4 Cấu trúc bảng	Các khái niệm chính trong cấu trúc dữ liệu bảng trường, bản ghi, khóa chính, thuộc tính, kiểu dữ liệu, liên kết bảng	Nhận biết - Nêu được một số tính chất của trường (field), bản ghi (record). - Điều kiện để liên kết giữa 2 bảng - Các loại quan hệ cơ bản trong CSDL Access - Ý nghĩa, đặc điểm của khoá chính Thông hiểu - Trình bày được các bước tạo cấu trúc bảng - Phân biệt được các kiểu dữ liệu khi tạo cấu trúc bảng	3(TN)	2(TN)		

		Phân biệt các chế độ làm việc	Nhận biết - Nhận biết được các chế độ làm việc của bảng (design view, datasheet view) - Ý nghĩa, đặc điểm của khoá chính. Tạo và chỉnh sửa được khoá chính.	2(TN)			
	§8. Truy vấn dữ liệu	Ý nghĩa về truy vấn dữ liệu, Giao diện thiết kế, Các thành phần trên lưới QBE	Nhận biết - Ý nghĩa, vai trò của mẫu hỏi (query) - Các bước khởi tạo query, các thành phần trong lưới QBE Thông hiểu - Sử dụng các thành phần trong lưới QBE để tạo truy vấn có điều kiện	3(TN)	1(TN)		
		Các bước chính để tạo ra 1 truy vấn	Nhận biết - Các bước để tạo 1 truy vấn (query)	1(TN)			
		Xác định được yêu cầu của truy vấn dựa vào 1 ví dụ cho trước ở chế độ thiết kế (Select query)	Vận dụng: - Dựa vào mẫu hỏi cho trước (có điều kiện) ở chế độ thiết kế kết hợp với tiêu chuẩn lọc (and, or, not...), các phép so sánh để xác định kết quả				2(TN)

		Nhận biết - Biết được các trường được hiển thị dựa vào mẫu hỏi cho trước. Thông hiểu - Hiểu cách ghi hằng chuỗi, hằng ngày tháng - Hiểu các toán tử số học, so sánh, logic, ghép nối và toán tử đặc biệt (Is Null hoặc Is Not Null, Like, Between, In) Vận dụng: - Sử dụng các phép toán, hàm, biểu thức (Date(), Year, Day, Month, Day, iif, ...) - Sử dụng hàm kết hợp với tiêu chuẩn lọc (and, or,...) Vận dụng cao: Quan sát và xác định yêu cầu của Select query có sử dụng toán tử and, or, not, phép so sánh, hằng chuỗi và hằng ngày tháng.				
	Biểu thức, phép toán, toán hạng		3(TN)	3(TN)	5(TN)	1(TN)

		Truy vấn chọn có thống kê (Total Query): ý nghĩa, thao tác	Nhận biết - Ý nghĩa và vai trò của query Total. - Biết cách thêm hàng Total vào lưới thiết kế QBE Thông hiểu - Nắm ý nghĩa và hiểu các hàm trong Total (Sum, AVG, Count, Min, Max, ...) Vận dụng: - Quan sát và xác định được yêu cầu của truy vấn Total (Sum, AVG, Count, Min, Max, ...) cho trước ở chế độ thiết kế	1(TN)	4(TN)	2(TN)	
Tổng				13	10	7	3
Tỉ lệ				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				100%			